

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2014

Số: *145* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 7 năm 2014, từ trang 4 đến trang 34. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 7 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1130-2013-001-1

0271
CÔNG TY
HÀ NỘI
CÔNG TY
HÀ NỘI
HỒ C

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		26.315.900.137.091	25.471.498.937.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.328.832.253.884	16.587.405.989.436
1. Tiền	111		2.933.832.253.884	2.042.405.989.436
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.395.000.000.000	14.545.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.050.000.000.000	750.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.050.000.000.000	750.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.727.178.116.489	5.622.610.566.241
1. Phải thu khách hàng	131		5.538.304.181.919	5.242.202.930.906
2. Trả trước cho người bán	132		831.006.800.314	247.778.553.727
3. Các khoản phải thu khác	135	6	424.786.005.088	199.547.952.440
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(66.918.870.832)	(66.918.870.832)
IV. Hàng tồn kho	140	7	949.413.007.099	1.923.788.005.407
1. Hàng tồn kho	141		999.741.330.663	1.998.895.733.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.328.323.564)	(75.107.728.490)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		260.476.759.619	587.694.376.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.669.428.006	65.185.817.295
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.472.792.223	55.263.918.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	47.222.718.463	26.799.862.241
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	97.111.820.927	440.444.778.199
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		17.882.334.749.064	19.425.709.265.233
I. Tài sản cố định	220		14.752.726.325.049	15.926.416.861.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.889.974.595.963	12.994.691.121.614
- Nguyên giá	222		29.717.624.039.961	28.405.202.725.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.827.649.443.998)	(15.410.511.603.993)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	250.781.723.882	253.367.840.594
- Nguyên giá	228		279.045.408.984	277.517.858.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.263.685.102)	(24.150.018.390)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.611.970.005.204	2.678.357.899.383
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.092.254.211.682	3.119.399.564.981
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	3.166.998.879.733	3.027.998.879.733
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	48.240.000.000	48.240.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	356.600.283.780	356.600.283.780
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(479.584.951.831)	(313.439.598.532)
III. Tài sản dài hạn khác	260		37.354.212.333	379.892.838.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	36.965.362.333	379.503.988.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		388.850.000	388.850.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		44.198.234.886.155	44.897.208.202.792

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.352.001.114.234	11.893.630.828.799
I. Nợ ngắn hạn	310		5.574.552.538.360	7.458.333.019.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	1.802.796.515.913	1.716.728.862.646
2. Phải trả người bán	312		461.993.434.984	2.645.812.974.736
3. Người mua trả tiền trước	313		4.845.177.228	3.862.061.469
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	914.406.202.066	753.790.873.285
5. Phải trả người lao động	315		99.358.343.423	95.364.661.382
6. Chi phí phải trả	316	20	1.466.776.300.716	1.491.782.984.787
7. Phải trả nội bộ	317	21	119.284.514.165	298.361.455.294
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	465.926.637.437	350.938.121.660
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		239.165.412.428	101.691.024.460
II. Nợ dài hạn	330		3.777.448.575.874	4.435.297.809.080
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	23	-	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333		4.196.036.120	4.470.229.670
3. Vay và nợ dài hạn	334	24	3.501.177.032.703	3.881.439.818.347
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		272.075.507.051	505.123.377.794
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		34.846.233.771.921	33.003.577.373.993
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	34.846.233.771.921	33.003.577.373.993
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.727.266	1.216.727.266
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.569.577.475.528	8.182.249.669.456
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.640.908.356.774	2.640.908.356.774
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		128.657.747.553	128.657.747.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.555.873.464.800	3.100.544.872.944
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		44.198.234.886.155	44.897.208.202.792

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

USD

EUR

30/6/2014

31/12/2013

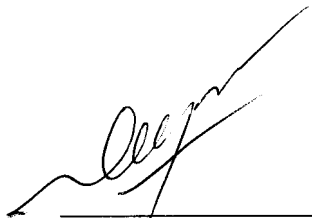
5.519.934,00

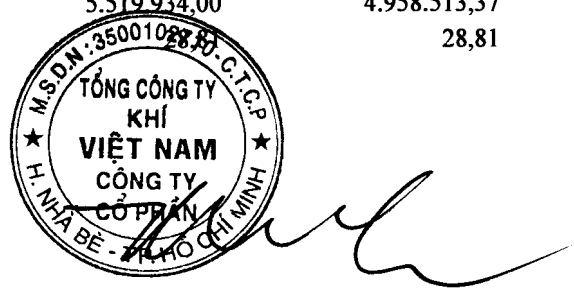
4.958.513,37

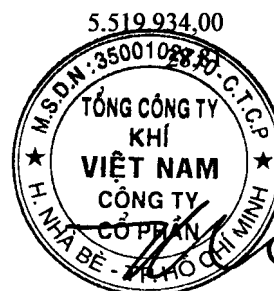
28,81


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 7 năm 2014


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	30.392.590.107.826	27.789.365.812.611
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	47.277.277.371	21.209.574.052
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	30.345.312.830.455	27.768.156.238.559
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	22.099.667.907.884	19.563.714.680.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.245.644.922.571	8.204.441.557.601
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	651.884.182.773	598.989.054.722
7. Chi phí tài chính	22	29	364.548.116.146	399.638.512.732
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		143.046.630.956	111.004.796.336
8. Chi phí bán hàng	24		190.209.911.568	180.384.921.125
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		595.119.375.966	693.815.227.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.747.651.701.664	7.529.591.951.336
11. Thu nhập khác	31		6.445.785.745	1.160.101.235.950
12. Chi phí khác	32		15.977.210.761	31.491.427.744
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	(9.531.425.016)	1.128.609.808.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.738.120.276.648	8.658.201.759.542
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.502.678.514.957	1.617.645.836.685
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.235.441.761.691	7.040.555.922.857
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.292	3.711


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 7 năm 2014


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng




Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

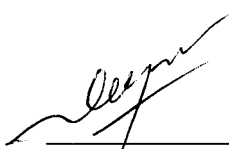
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.738.120.276.648	8.658.201.759.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.427.875.002.939	1.363.066.163.419
Các khoản dự phòng	03	141.365.948.373	198.845.456.690
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	29.610.941.290	66.364.481.222
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(633.042.493.860)	(587.361.048.445)
Chi phí lãi vay	06	143.046.630.956	111.004.796.336
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.846.976.306.346	9.810.121.608.764
Thay đổi các khoản phải thu	09	(459.791.357.801)	(544.012.042.880)
Thay đổi hàng tồn kho	10	999.154.403.234	(151.943.062.982)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.279.075.459.102)	(486.115.098.363)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	669.756.243.462	506.441.571.408
Tiền lãi vay đã trả	13	(146.630.295.587)	(138.702.689.525)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.334.020.024.083)	(1.494.811.314.794)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(83.029.226.167)	(55.252.144.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.213.340.590.302	7.445.726.827.213
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.101.485.549.874)	(754.546.523.324)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	4.956.364	-
3. Tiền chi cho vay	23	(300.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(139.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	561.303.790.034	573.228.493.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(979.176.803.476)	(181.318.030.135)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	618.252.722.400	729.765.607.970
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(942.932.779.387)	(1.335.702.096.482)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.168.882.560.000)	(1.914.318.474.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.493.562.616.987)	(2.520.254.962.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	740.601.169.839	4.744.153.834.296
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.597.305.989.436	11.398.498.254.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	328.832.253.884	(290.303.915)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	16.142.361.784.545	16.142.361.784.545


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.116 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.106).

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu;
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
- Công ty Dịch vụ Khí;
- Công ty Quản lý Dự án Khí;
- Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Khí Cà Mau;
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ và các khoản đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn tại thời điểm phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các kỳ tiếp theo.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.696.668.315	1.849.118.694
Tiền gửi ngân hàng	2.932.135.585.569	2.040.556.870.742
Các khoản tương đương tiền (i)	14.395.000.000.000	14.545.000.000.000
	17.328.832.253.884	16.587.405.989.436

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 12 tháng	1.050.000.000.000	750.000.000.000
	1.050.000.000.000	750.000.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	17.530.759.050	23.629.438.880
Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	14.384.446.944	21.474.885.586
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (i)	58.647.340.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (ii)	105.661.575.696	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (iii)	17.164.292.191	-

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	94.225.833.331	92.804.375.000
Phải thu cổ tức nhận được từ các công ty con	53.147.996.940	-
Các khoản phải thu khác	14.023.760.936	11.639.252.974
	424.786.005.088	199.547.952.440

- (i) Phản ánh khoản tiền Tổng Công ty chuyển trước cho Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D) (công ty con của Tổng Công ty) để mua cổ phần phát hành thêm theo phương án tăng vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các thủ tục tăng vốn điều lệ của PV GAS D chưa được hoàn tất.
- (ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV Pipe) (công ty con của Tổng Công ty) phản ánh giá trị hàng hóa đã bàn giao theo hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Tổng Công ty và PV Pipe.
- (iii) Phản ánh khoản phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) (bên liên quan của Tổng Công ty) liên quan đến lợi nhuận được chia từ liên danh sản xuất xăng. Tổng Công ty và PV Oil đã có thỏa thuận chấm dứt liên danh sản xuất xăng từ năm 2014.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	378.612.892.186	334.017.723.505
Công cụ, dụng cụ	7.614.385.403	7.223.904.737
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.303.500.182	5.217.939.593
Thành phẩm	59.410.820.028	78.247.544.941
Hàng hóa	549.799.732.864	1.574.188.621.121
Cộng giá gốc hàng tồn kho	999.741.330.663	1.998.895.733.897
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.328.323.564)	(75.107.728.490)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	949.413.007.099	1.923.788.005.407

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	4.417.560.000	4.417.560.000
Thuế nhập khẩu	42.805.158.463	22.382.302.241
	47.222.718.463	26.799.862.241

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	4.182.639.892	2.844.369.311
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (i)	92.929.181.035	437.600.408.888
	97.111.820.927	440.444.778.199

- (i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn chủ yếu là số dư các khoản ký quỹ của Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) tại các ngân hàng để thanh toán cho các giao dịch xuất nhập khẩu.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	4.345.500.984.397	384.264.491.136	121.835.972.271	119.046.498.265	23.434.554.779.538	28.405.202.725.607
Mua trong kỳ	1.503.417.299	3.781.598.691	561.043.834	7.735.119.287	2.228.204.993	15.809.384.104
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	36.464.327.431	-	-	-	1.266.402.678.611	1.302.867.006.042
Cải tạo, nâng cấp	-	-	-	-	8.552.493.182	8.552.493.182
Điều chỉnh theo quyết toán	9.827.215.212	-	-	-	(17.418.638.660)	(7.591.423.448)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.280.979.844)	-	(320.900.000)	(5.197.571.555)	(6.799.451.399)
(Giảm) khác	(144.694.127)	(272.000.000)	-	-	-	(416.694.127)
Tại ngày 30/6/2014	4.393.151.250.212	386.493.109.983	122.397.016.105	126.460.717.552	24.689.121.946.109	29.717.624.039.961
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	1.159.999.482.607	270.604.120.562	82.207.297.042	78.919.386.186	13.818.781.317.596	15.410.511.603.993
Khấu hao trong kỳ	206.092.278.126	16.848.545.806	5.595.853.697	8.142.569.054	1.187.236.749.521	1.423.915.996.204
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.280.979.844)	-	(320.900.000)	(5.176.276.355)	(6.778.156.199)
Tại ngày 30/6/2014	1.366.091.760.733	286.171.686.524	87.803.150.739	86.741.055.240	15.000.841.790.762	16.827.649.443.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	3.027.059.489.479	100.321.423.459	34.593.865.366	39.719.662.312	9.688.280.155.347	12.889.974.595.963
Tại ngày 31/12/2013	3.185.501.501.790	113.660.370.574	39.628.675.229	40.127.112.079	9.615.773.461.942	12.994.691.121.614

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 367.547.752.132 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 358.778.019.682 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 3.571.210.641.710 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.767.101.966.857 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phản mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	244.583.078.000	32.934.780.984	277.517.858.984
Mua trong kỳ	-	1.527.550.000	1.527.550.000
Tại ngày 30/6/2014	244.583.078.000	34.462.330.984	279.045.408.984
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	2.219.764.825	21.930.253.565	24.150.018.390
Khấu hao trong kỳ	208.530.780	3.905.135.932	4.113.666.712
Tại ngày 30/6/2014	2.428.295.605	25.835.389.497	28.263.685.102
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	242.154.782.395	8.626.941.487	250.781.723.882
Tại ngày 31/12/2013	242.363.313.175	11.004.527.419	253.367.840.594

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	426.662.655.620	398.886.902.889
Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau	91.578.120.064	79.382.103.931
Cụm máy nén khí PM3 Cà Mau	-	283.269.591.661
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	610.870.292.715	499.347.488.633
Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	131.850.342.644	131.849.342.644
Kho chứa LNG Thị Vải (1MTPA)	74.432.838.473	74.349.202.109
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình	107.541.751.831	88.493.398.924
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Kho LNG	-	250.265.717.649
Công trình mở rộng hệ thống thu gom khí Mỏ Rồng giai đoạn 1	-	737.285.175.350
Tuyến đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ	20.809.223.285	20.809.223.285
Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Đại Hùng - Nam Côn Sơn 2	20.830.323.815	20.237.217.410
Dự án Đại Hùng	17.068.840.352	9.706.709.983
Dự án đường ống thu gom khí mỏ Thăng Long - Nam Đông Đô	6.252.462.966	6.442.462.966
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	57.634.358.161	31.594.566.671
	1.611.970.005.204	2.678.357.899.383

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 30/6/2014 VND	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	226.460.000.000	226.460.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	118.364.908.900	118.364.908.900
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	778.958.445.000	778.958.445.000
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	184.839.835.833	184.839.835.833
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép	1.858.375.690.000	1.719.375.690.000
					3.166.998.879.733	3.027.998.879.733

- (i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư vào các công ty con và chỉ có sự suy giảm về giá trị đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam, theo đó Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con này với tổng số tiền là 479.584.951.831 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	48.240.000.000	48.240.000.000
	48.240.000.000	48.240.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí

15. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (Tiếp theo)**

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về tình hình hoạt động của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	718.541.747.813
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	57.971.304.775	48.082.852.898
Giá trị còn lại của tài sản cố định	660.570.443.038	670.458.894.915
	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
	đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.375.588.861	58.546.878.037
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	22.871.577.404	25.753.047.841
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	93.797.466	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.198.457.549
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.589.786.009)	24.595.372.647
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	(8.112.850.206)	17.216.760.853
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	(2.317.957.202)	4.919.074.529
- Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	(1.158.978.601)	2.459.537.265

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780	356.600.283.780
	356.600.283.780	356.600.283.780

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm giá trị khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng với mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và nhận thấy không có sự suy giảm giá trị nên không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	-	341.217.322.506
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.965.362.333	38.286.666.155
	36.965.362.333	379.503.988.661

- (i) Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 341.217.322.506 đồng.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	255.600.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	1.547.196.515.913	1.716.728.862.646
	1.802.796.515.913	1.716.728.862.646

- (i) Phản ánh số dư các khoản vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ của Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) để thanh toán các giao dịch xuất nhập khẩu. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, có thời hạn từ 7 ngày đến 1 tháng với lãi suất thả nổi.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	181.478.614.510	183.114.129.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.991.330.135	553.332.839.261
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.584.847.412	5.339.839.281
Thuế thu nhập cá nhân	1.236.944.739	10.439.627.966
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	1.010.588.692	1.268.544.881
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.103.876.578	295.892.000
	914.406.202.066	753.790.873.285

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	183.114.129.896	860.907.724.031	862.543.239.417	181.478.614.510
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(4.417.560.000)	208.943.719.277	208.943.719.277	(4.417.560.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.339.839.281	47.277.277.371	46.032.269.240	6.584.847.412
Thuế nhập khẩu	(22.382.302.241)	68.737.120.917	89.159.977.139	(42.805.158.463)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	553.332.839.261	1.502.678.514.957	1.334.020.024.083	721.991.330.135
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	295.892.000	2.951.040.478	1.143.055.900	2.103.876.578
Thuế thu nhập cá nhân	10.439.627.966	20.306.341.933	29.509.025.160	1.236.944.739
Thuế môn bài	-	16.000.000	16.000.000	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	1.268.544.881	4.857.533.845	5.115.490.034	1.010.588.692
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	200.268.995	200.268.995	-
Cộng	726.991.011.044	2.716.875.541.804	2.576.683.069.245	867.183.483.603
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>26.799.862.241</i>			<i>47.222.718.463</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>753.790.873.285</i>			<i>914.406.202.066</i>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	23.580.406.049	35.338.734.292
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	25.590.200.205	26.670.743.950
Chi phí lãi vay	32.843.282.832	36.426.947.463
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	236.169.243.341	235.622.007.210
Trích trước chi phí mua khí Cừ Long	1.038.419.651.616	981.867.578.026
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	103.791.589.920	155.889.441.103
Các khoản khác	6.381.926.753	19.967.532.743
	1.466.776.300.716	1.491.782.984.787

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong các kỳ kế toán tiếp theo. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

21. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	119.284.514.165	298.361.455.294
	119.284.514.165	298.361.455.294

Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng kỳ theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (i)	87.973.835.226	89.132.813.827
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (i)	171.321.543.652	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (ii)	65.025.992.405	65.025.992.405
Công ty Edgen Murray (iii)	105.661.575.696	-
Cổ tức phải trả	685.043.111	567.603.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.258.647.347	22.572.211.463
	465.926.637.437	350.938.121.660

- (i) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" như trình bày tại Thuyết minh số 15.
- (ii) Khoản phải trả liên quan đến việc đầu tư chung Dự án "Xây dựng nhà ở 10 chỗ tại giàn MSP4" của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) và Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (Vietsov). Theo đó, Vietsov là đơn vị theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm chi trả cho nhà thầu. Căn cứ trên biên bản nghiệm thu với nhà thầu, Vietsov sẽ thu lại phần chi phí xây dựng tương ứng với tỷ lệ đầu tư của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (iii) Phản ánh khoản phải trả nhà cung cấp về giá trị hàng hóa đã nhận trong kỳ liên quan đến việc nhận ủy thác nhập khẩu cho Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	44.264.383.269
	-	44.264.383.269

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	5.048.373.548.616	5.598.168.680.993
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.593.905.370.196	2.789.549.849.704
Ngân hàng Standard Chartered	944.299.999.953	1.246.357.777.731
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	113.542.726.892	224.696.339.043
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.612.958.293	114.487.131.674
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	78.633.638.341	153.974.424.042
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	689.673.682.952	422.090.460.552
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	92.831.713.693	122.526.239.951
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	525.873.458.296	524.486.458.296
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	1.547.196.515.913	1.716.728.862.646
(được trình bày trên phần Nợ ngắn hạn)		
Vay dài hạn phải trả sau 12 tháng	3.501.177.032.703	3.881.439.818.347

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân và nhận nợ như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay bằng USD	3.091.464.631.163	3.829.832.548.142
Vay bằng VND	1.956.908.917.453	1.768.336.132.851
	5.048.373.548.616	5.598.168.680.993

Các khoản vay của Tổng Công ty được đảm bảo bằng các hình thức sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tín chấp	4.969.739.910.275	5.444.194.256.951
Bảo lãnh của bên thứ 3	78.633.638.341	153.974.424.042
	5.048.373.548.616	5.598.168.680.993

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 9,5% đến 13,5%/năm đối với Đồng Việt Nam, từ 0,75% đến 2,97%/năm đối với đồng Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay theo lãi suất cố định	192.176.365.233	378.670.763.085
Vay theo lãi suất thả nổi	4.856.197.183.383	5.219.497.917.908
	5.048.373.548.616	5.598.168.680.993

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.547.196.515.913	1.716.728.862.646
Trong năm thứ hai	1.019.927.688.026	1.395.161.143.834
Từ ba năm đến năm thứ năm	1.763.395.415.087	1.537.120.581.446
Sau năm năm	717.853.929.590	949.158.093.067
	5.048.373.548.616	5.598.168.680.993
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	1.547.196.515.913	1.716.728.862.646
Số phải trả sau 12 tháng	3.501.177.032.703	3.881.439.818.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.950.000.000.000	-	-	1.286.577.475.528	1.417.475.409.061	128.657.747.553	5.088.363.175.354	26.871.073.807.496
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.242.323.342.421	12.242.323.342.421
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.895.672.193.928	1.223.432.947.713	-	(8.119.105.141.641)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(168.373.770.633)	(168.373.770.633)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.685.000.000.000)	(5.685.000.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	-	-	(11.094.470.644)	(11.094.470.644)
Điều chỉnh theo quyết toán cổ phần hóa	-	1.216.727.266	-	-	-	-	(245.831.372.787)	(244.614.645.521)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(736.889.126)	(736.889.126)
Số dư tại ngày 31/12/2013	18.950.000.000.000	1.216.727.266	-	8.182.249.669.456	2.640.908.356.774	128.657.747.553	3.100.544.872.944	33.003.577.373.993
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.235.441.761.691	6.235.441.761.691
Điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 (i)	-	-	-	(1.612.672.193.928)	-	-	1.612.672.193.928	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(227.262.299.566)	(227.262.299.566)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.169.000.000.000)	(4.169.000.000.000)
Lỗ phân phối cho các bên liên doanh (iii)	-	-	-	-	-	-	3.476.935.803	3.476.935.803
Số dư tại ngày 30/6/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	-	6.569.577.475.528	2.640.908.356.774	128.657.747.553	6.555.873.464.800	34.846.233.771.921

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại số dư Quỹ đầu tư phát triển đã tạm trích trong năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014. Theo đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.612.672.193.928 đồng.

(ii) Tổng Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 với số tiền 166.109.839.653 đồng.

Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền 61.152.459.913 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015.

(iii) Phân chia lỗ của hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo tỷ lệ góp vốn cho các đối tác tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng	Tỷ lệ	Số vốn góp tại ngày 30/6/2014
	(Cổ phần)	(%)	(VND)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 61/NQ-KVN ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 4.169.000.000.000 đồng (tương đương với 2.200 đồng/cổ phần).

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.392.590.107.826	27.789.365.812.611
Doanh thu bán khí khô	17.534.611.966.637	16.116.569.306.312
Doanh thu bán LPG	10.421.315.623.011	9.318.455.788.516
Doanh thu vận chuyển khí	1.808.609.931.211	1.961.970.339.656
Doanh thu bán condensate	520.050.051.082	233.305.314.577
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	11.375.588.861	58.546.878.037
Doanh thu khác	96.626.947.024	100.518.185.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	47.277.277.371	21.209.574.052
Thuế tiêu thụ đặc biệt	47.277.277.371	21.209.574.052
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.345.312.830.455	27.768.156.238.559

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2014 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền lần lượt là 4.900 tỷ đồng và 4.196 tỷ đồng (doanh thu và chi phí mua khí phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2013 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền lần lượt là 4.056 tỷ đồng và 3.328 tỷ đồng).

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Giá vốn bán khí khô	12.295.576.832.807	11.010.991.345.762
Giá vốn bán LPG	8.810.502.975.786	7.694.238.355.054
Giá vốn vận chuyển khí	698.842.103.799	678.494.185.200
Giá vốn bán condensate	216.483.074.607	105.882.478.118
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	22.871.577.404	23.781.242.855
Giá vốn khác	55.391.343.481	50.327.073.969
	22.099.667.907.884	19.563.714.680.958

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	551.407.606.665	483.846.773.893
Lãi ủy thác quản lý vốn	-	12.112.972.222
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.701.834.498	5.292.076.037
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.144.810.779	6.335.930.240
Cổ tức, lợi nhuận được chia	81.629.930.831	91.401.302.330
	651.884.182.773	598.989.054.722

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	143.046.630.956	111.004.796.336
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.206.993.641	13.433.445.971
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.755.752.069	72.700.411.462
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	166.145.353.299	200.247.279.420
Chi phí tài chính khác	1.393.386.181	2.252.579.543
	364.548.116.146	399.638.512.732

30. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Thu nhập khác	6.445.785.745	1.160.101.235.950
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (i)	-	1.146.711.002.353
Thu từ thanh lý tài sản, vật tư	707.956.364	-
Thu nhập khác	5.737.829.381	13.390.233.597
Chi phí khác	15.977.210.761	31.491.427.744
Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập do hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	30.945.482.839
Chi phí thanh lý tài sản, vật tư	15.578.873.726	-
Chi phí khác	398.337.035	545.944.905
	(9.531.425.016)	1.128.609.808.206

- (i) Trong 6 tháng năm 2013, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ không sử dụng theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 01 năm 2013.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	7.738.120.276.648	8.658.201.759.542
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(81.629.930.831)	(99.425.430.928)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.907.144.374	1.014.948.000
Thu nhập chịu thuế	7.659.397.490.191	8.559.791.276.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.502.678.514.957	1.617.645.836.685

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	6.235.441.761.691	7.040.555.922.857
(Lỗ)/Lợi nhuận chia cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	(3.476.935.803)	7.378.611.794
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.238.918.697.494	7.033.177.311.063
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.895.000.000	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.292	3.711

Tổng Công ty quyết định trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Theo đánh giá của Tổng Công ty, việc trình bày thêm chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cùng với việc trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sẽ giúp người đọc báo cáo tài chính có thông tin đầy đủ hơn về hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ nói riêng và toàn Tổng Công ty nói chung.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.176.738.157.336	2.698.582.559.158
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	9.894.342.108.865	8.975.813.256.274
Chi phí nhân công	165.885.449.980	149.670.925.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.427.875.002.939	1.363.066.163.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.616.821.448	392.894.585.536
Chi phí khác	668.036.505.591	930.943.483.075
	15.991.494.046.159	14.510.970.973.107

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. CÁC KHOẢN CAM KẾT****i) Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	951.341.602.333	951.425.238.697
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	557.596.461.942	576.644.814.849
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	-	427.471.810.522
	1.508.938.064.275	1.955.541.864.068

ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2	Tối thiểu 1,3 tỷ m ³ /năm	Đến 31 tháng 12 năm 2034

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m ³	Đến 30 tháng 6 năm 2036

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định định mức bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu (nếu có) này. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo đơn giá tạm tính.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các kỳ tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.328.832.253.884	16.587.405.989.436
Đầu tư ngắn hạn	1.050.000.000.000	750.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.896.171.316.175	5.374.832.012.514
Các khoản ký cược, ký quỹ	92.929.181.035	437.600.408.888
Đầu tư dài hạn	356.600.283.780	356.600.283.780
Tổng cộng	24.724.533.034.874	23.506.438.694.618
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.303.973.548.616	5.598.168.680.993
Phải trả người bán và phải trả khác	1.051.034.003.705	3.343.606.495.919
Chi phí phải trả	1.466.776.300.716	1.491.782.984.787
Tổng cộng	7.821.783.853.037	10.433.558.161.699

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	758.294.611.941	1.138.379.551.037	3.738.999.911.037	5.840.772.174.218

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ	(149.035.264.955)	(337.659.936.094)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	(51.117.971.834)
VND	-200	51.117.971.834
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VND	+200	(54.193.202.240)
VND	-200	54.193.202.240

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng với số tiền là 112.513.709.294 đồng. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 66.918.870.832 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
30/6/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.328.832.253.884	-	-	17.328.832.253.884
Đầu tư ngắn hạn	1.050.000.000.000	-	-	1.050.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.896.171.316.175	-	-	5.896.171.316.175
Các khoản ký cược, ký quỹ	92.929.181.035	-	-	92.929.181.035
Đầu tư dài hạn	-	356.600.283.780	-	356.600.283.780
Tổng cộng	24.367.932.751.094	356.600.283.780	-	24.724.533.034.874
30/6/2014				
Các khoản vay	1.802.796.515.913	2.783.323.103.113	717.853.929.590	5.303.973.548.616
Phải trả người bán và phải trả khác	1.046.837.967.585	4.196.036.120	-	1.051.034.003.705
Chi phí phải trả	1.466.776.300.716	-	-	1.466.776.300.716
Tổng cộng	4.316.410.784.214	2.787.519.139.233	717.853.929.590	7.821.783.853.037
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.051.521.966.880	(2.430.918.855.453)	(717.853.929.590)	16.902.749.181.837
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.587.405.989.436	-	-	16.587.405.989.436
Đầu tư ngắn hạn	750.000.000.000	-	-	750.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.374.832.012.514	-	-	5.374.832.012.514
Các khoản ký cược, ký quỹ	437.600.408.888	-	-	437.600.408.888
Đầu tư dài hạn	-	356.600.283.780	-	356.600.283.780
Tổng cộng	23.149.838.410.838	356.600.283.780	-	23.506.438.694.618
31/12/2013				
Các khoản vay	1.716.728.862.646	2.932.281.725.280	949.158.093.067	5.598.168.680.993
Phải trả người bán và phải trả khác	3.294.871.882.980	48.734.612.939	-	3.343.606.495.919
Chi phí phải trả	1.491.782.984.787	-	-	1.491.782.984.787
Tổng cộng	6.503.383.730.413	2.981.016.338.219	949.158.093.067	10.433.558.161.699
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.646.454.680.425	(2.624.416.054.439)	(949.158.093.067)	13.072.880.532.919

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và các công ty con, các đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.367.942.190.539	850.927.239.128
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	105.163.492.285	280.363.391.298
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.545.292.344.421	1.446.355.085.281
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	520.095.346.500	233.305.314.577
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.242.960.011.140	3.478.076.991.954
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	1.157.171.878.804	768.197.915.941
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	449.654.478.550	245.864.003.434
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.030.258.035.564	2.800.412.030.356
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu Khí - CTCP	568.324.542	18.515.403.100
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	8.306.188.143	36.767.756.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	350.283.349.005	322.183.534.463
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	202.797.338.330	309.640.709.255
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	6.545.390.882.391	5.953.027.418.585
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	611.407.868.173	746.643.601.525
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	511.528.618.417	1.866.542.590.460
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	124.818.709.654	135.217.550.948
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	6.424.547.737	179.540.205.613
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	81.799.994.457	86.246.276.367
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	85.423.822.764	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8.729.951.725	8.492.672.831

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	500.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	400.000.000.000	800.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	292.931.157.456	302.402.933.494
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	363.906.862.841	281.531.190.794
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.023.346.740	51.428.436.106
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	81.242.620.376	16.173.590.432
Công ty Cổ phần Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	1.872.997.804.548	1.474.308.991.961
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	879.338.559.185	477.386.380.265
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	143.354.271.142	114.654.717.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	148.098.812.894	138.305.277.296
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	62.221.767.761	61.596.610.765
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	105.661.575.696	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):

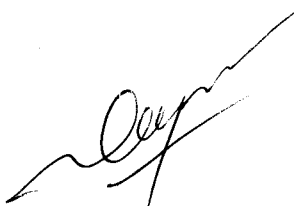
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.161.365.191	6.131.365.191
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	19.810.128.732	317.546.678.975
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	11.915.119.064	14.475.804.306
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	14.141.611.909	177.458.276.370
Phải trả nội bộ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	119.284.514.165	342.625.838.563
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.064.009.851.821	1.008.538.321.976
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	171.321.543.652	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	65.025.992.405	65.025.992.405
Các khoản trả trước người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	16.145.520.302	6.926.445.518
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	229.745.816.434	-
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	314.030.767.800	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	163.893.943.763	173.645.399.729
Các khoản vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.612.958.293	114.487.131.674

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 7 năm 2014